

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/07/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	P4	7:25	22	0		22	0	
2	406	DD8+JS2+P3	7:25	9+6+7	0+0+0		6+4+12	0+0+0	
3	420	BK15+P2+BK14	7:25	1+21+0	0+0+0		1+13+8	0+0+0	
4	424	P1+P7	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
5	846	AMD	9:25	22	0		22	0	
6	410	P2+RC3+RP2	9:25	18+4+0	0+0+0		9+0+13	0+0+0	
7	420	RP2+RP3	9:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
8	424	P4+AMD	9:25	18+4	0+0		8+14	0+0	
9	846	TD3+P2+P4	11:25	13+9+0	0+0+0		6+10+4	0+0+0	
10	406	P5+P1	11:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
11	420	P7+P3+TC2	11:25	11+11+0	0+0+0		9+11+2	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2017	TO: P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - Hải - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TSPANOV ALAN	P4	22	1	20		90	KH-THAC	Russian
2	VASYNKIN	P4	31	1	6		98	KH-THAC	Russian
3	ĐỖ HỮU NAM	P4	23	1	14		69	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN SĨ TUẤN	P4	28-29	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH ĐỨC	P4	41	1	10	15	85	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH CHÂU	P4	44	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	P4	45	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	46	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN CHIẾN	P4	27	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ MẠNH HÙNG	P4					75	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CÔNG	P4					78	KHI	Vietnamese
12	PHAN VĂN NGỌ	P4	20-21	2	7		60	YTE	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P4	43	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	32	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LÂM VĂN PHÚC	P4	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI TRONG HAN	P4	49	1	4		68	KHI	Vietnamese
17	BUI THANH CẨM	P4	47	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN TOÀN	P4	26	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	LAM XUÂN HẢI	P4	25	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG ĐÌNH MINH	P4	24	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN NGỌC MINH	P4	30	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN BÌNH	P4					66	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	21	136	1.568	15	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>21</b>	<b>136</b>	<b>1.568</b>	<b>15</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>136</b>	<b>1.568</b>	<b>15</b>			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Jul-17	TO: DD8 - JS2 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LHai - VThang - HIEU	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BERLIKOV	DD8	02	1	15		95	KHOAN	Russian
2	PHAM VAN TAP	DD8	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOAN VAN TRINH	DD8	04	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH CUÔNG	DD8	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯỜNG QUYẾT THANG	DD8	06	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH HUU CAN	DD8	07	1	14	58	62	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI XUAN TRUONG	DD8	08	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TUAN HAI	DD8	09	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH HUU TU	DD8	03	1	4		74	PSV	Vietnamese
10	TA QUANG THINH	JS2	99	1	8		52	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEU	JS2	97	1	5	40	82	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN CÚ	JS2	94	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HẢI	JS2	98	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN HUU	JS2	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC AN	JS2	95	1	4		55	PSV	Vietnamese
16	VŨ DUY KHUÔNG	P3	71-72	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM TUAN KHAI	P3	75-77	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE KHAI DAT	P3	73	1	10		97	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC XUAN	P3	74	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KIM SON	P3	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI TUAN DAT	P3	70	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	DD8	9	9	72	643	58	6		
2	JS2	6	6	33	396	40	4		
3	P3	6	9	52	421	0	12		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>24</b>	<b>157</b>	<b>1.460</b>	<b>98</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>157</b>	<b>1.460</b>	<b>98</b>			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2017	TO: BK15 - P2 - BK14	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUANG HOANG	BK15	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VUONG VAN LONG	P2	04	1	10		75	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN HOA	P2	95	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DOAN ĐỨC	P2	94	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
5	VÔ DUY TOAN	P2	24	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN SON TRUONG	P2					64	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	97	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG QUOC BAO	P2					64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HUNG	P2	92,93	2	9		63	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN THIEN	P2	03	1	5	27	72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIET DUNG	P2	01	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN XUAN TAN	P2	99	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUOC TRUNG	P2	02	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BA LAM	P2	88	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
16	LE ANH VU	P2	86	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
17	HO CONG ANH	P2	87	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LE MANH THANG	P2	98	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TUAN QUAN	P2	100	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG HAI	P2	89	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HA	P2	198	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOAN MINH XANH	P2	91	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	1	1	5	65	0	1		
2	P2	21	19	101	1.397	27	13		
3	BK14	0	0	0	0	45	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>106</b>	<b>1.462</b>	<b>72</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>106</b>	<b>1.462</b>	<b>72</b>			

GRAND TOTAL: 1.640 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2017	TO: P1 - P7	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Cương - PVDũng - THẢO	ETA: 09:35
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TÁT THĂNG	P1	67	1	4		65	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN MINH	P1	75	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH TIEN DUNG	P1	62	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	KISELEV IGOR	P1	72	1	7		93	KH-THAC	Russian
5	MAKAROV O.V	P1	76	1	17		100	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN ĐỨC THANG	P1	63-64	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P1	65	1	5	35	67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HOANG NHAN	P1	73	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG CÔNG LÝ	P1	77	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC HAI	P1	74	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THE VINH	P1	66	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUY HUNG	P1	79-80	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM BA NGẠN	P1	70	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ XUÂN CHUÔNG	P1	78	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM ANH SON	P1	68-69	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ KIẾN TRUNG	P1	71	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN THUY	P1	46	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LUONG QUOC VUONG	P7	299	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH HOAI NAM	P7	99	1	17	65	82	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUANG MINH	P7					77	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC SƠN	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRINH VAN PHUONG	P7					77	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	17	20	117	1.213	35	16		
2	P7	5	2	20	386	65	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>137</b>	<b>1.599</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>137</b>	<b>1.599</b>	<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Jul-17	TO: AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Vận - Hải - PTUẤN	ETA: 11:10
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NICU SERBANESCU	AMD	83	1	8		82	BAB	Rumanian
2	CU XUAN HUY	AMD	80	1	5		80	HLJOC	Vietnamese
3	DUONG NHAT QUANG	AMD	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRUONG THE HIEN	AMD	72	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH KHANH	AMD	74	1	8	65	62	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM THANH BINH	AMD	87	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN QUANG THANH	AMD	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH KHOA	AMD	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DUC HUY	AMD	70-71	2	7		103	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRUNG KIEN	AMD	98	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MINH HOANG	AMD	89	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
12	LE THANH DANH	AMD	79	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VINH	AMD	75-76	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NGHIẾP	AMD	77-78	2	17		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC TOAN	AMD	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO BA THANH	AMD	69	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	MAI NGOC THIET	AMD	85-86	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH QUANG THANH	AMD	91-92	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LE HUU HA	AMD	90	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	88	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN PHONG	AMD	82	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	PHAM VAN TUAN	AMD	84	1	5		78	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	27	160	1.584	65	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>160</b>	<b>1.584</b>	<b>65</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>160</b>	<b>1.584</b>	<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Jul-17	TO: P2 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Năm - VThắng - HIẾU	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	95	1	6	22	84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	08	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	05	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ CHÈ LINH	P2	12	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH HIỀN	P2	93	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	P2	06	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN NĂM	P2	07	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HO HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HOANG GIANG	P2	94	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN SON	P2	91-92	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CÔNG LƯU	P2	10	1	11	9	70	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN DINH PHAC	P2	96	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN QUY HAI	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG THẮNG	P2	97	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG ANH TU	P2	15	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VIET BINH	P2	98	1	4		57	PSV	Vietnamese
17	BUI ĐỨC CHÍNH	P2	99	1	4		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC SƠN	P2	11	1	15		61	DIAVATLY	Vietnamese
19	ĐANG TRỌNG BÀI	RC3	81	1	12	30	73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRỌNG	RC3	79	1	12	73	75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TRUNG HIẾU	RC3	77-78	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
22	THAI QUỐC CƯỜNG	RC3	80	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	17	118	1.229	31	9		
2	RC3	4	5	46	274	103	0		
3	RP2	0	0	0	0	20	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>164</b>	<b>1.503</b>	<b>154</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>164</b>	<b>1.503</b>	<b>154</b>			

GRAND TOTAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Jul-17	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - NNam	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KODZOIEV M.M	RP2	40	1	10		92	KHOAN	Russian
2	IMASHEV E.P	RP2	59	1	7		85	KHOAN	Russian
3	VU TRONG HACH	RP2	600	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀO DANH THÀNH	RP2	66	1	2	40	73	KHOAN	Vietnamese
5	VU CAO BANG	RP2	62	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HUY THAI	RP2	99	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG HAO	RP2	88	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
8	NHAM ĐỨC QUANG	RP2	63	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
9	LE HUY TUYEN	RP2	76	1	7		53	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HUYNH	RP2	61	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH CAO TRỌNG	RP2	64	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRỌNG DUNG	RP2					79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THIEN TUAN	RP2	70	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN QUỐC TUAN	RP2	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN ĐÔNG	RP2	65	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
16	LAI CAO THANH	RP2	97	1	13		65	KHOAN	Vietnamese
17	LE HAI NGAN	RP2	67	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC TRUNG	RP2	57	1	10		63	DIAVATLY	Vietnamese
19	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	RP2	58	1	9		65	DIAVATLY	Vietnamese
20	TẠ MINH UY	RP2	89	1	12		60	DIAVATLY	Vietnamese
21	PHAN HỒNG LĨNH	RP2	69	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH NAM	RP2	68	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	21	146	1.542	40	21		
2	RP3	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>146</b>	<b>1.542</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>146</b>	<b>1.542</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2017	TO: P4 - AMD	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Cương - PVDũng - THẢO	ETA: 11:35
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG KHAC DU	P4	11	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN THANH SON	P4	09	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAO MINH TUAN	P4	13	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU THANH	P4					68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC HUNG	P4	02	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUNG BAY	P4	08	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN LE TUNG	P4	07	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH HOAI ĐỨC	P4	04	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ BA HOA	P4	01	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI ĐỨC HẬU	P4	14	1	10		55	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN ANH TUAN	P4	10	1	5	30	68	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THUY HAI	P4	12	1	5		72	KHI	Vietnamese
13	FIRSOV	P4	15-16	2	12		100	ANTOAN	Russian
14	NGUYEN HUU NHAN	P4	17	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	VÔ VĂN DŨNG	P4	05	1	4		63	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN AI	P4	06	1	6		55	PSV	Vietnamese
17	ĐOAN VAN AI	P4	03	1	6		60	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ ĐỨC CHI	AMD	40	1	2		58	PSV	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC THẮNG	AMD	38	1	6		85	PSV	Vietnamese
20	LÊ ĐẮC ĐÔNG	AMD	41	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	39	1	3		50	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	17	17	106	1.158	30	8		
2	AMD	4	4	16	248	0	14		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>21</b>	<b>122</b>	<b>1.406</b>	<b>30</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>122</b>	<b>1.406</b>	<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.558 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Jul-17	TO: TD3 - P2 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - PTUẤN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TÂN KHANH	TD3					72	DIEU HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TÙNG	TD3	82	1	7		54	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN THUỘC	TD3					75	NHATHAU	Vietnamese
4	RAJA FONSEKA NADARAJAN	TD3	83-84	2	25		84	NHATHAU	Malaysian
5	ARIEF HARTANNO	TD3	87-88	2	18		64	NHATHAU	Indonesian
6	THAI HAI HÀ	TD3	96	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO VĂN MÂY	TD3	97	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VIỆT CƯỜNG	TD3	85	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI THE DUONG	TD3	95	1	10	35	64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN THỊNH	TD3	86	1	5		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU MAI	TD3	93-94	2	17		67	NHATHAU	Vietnamese
12	PHAN TRỌNG ĐÔNG	TD3	89	1	15		75	NHATHAU	Vietnamese
13	LÊ CÔNG TRĂNG	TD3	90-92	3	23		65	NHATHAU	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC A. TUẤN	P2	17	1	8		72	D-HANH	Vietnamese
15	TRẦN HAI NAM	P2	27	1	4		73	D-HANH	Vietnamese
16	NHÂM ĐIỆN BIÊN	P2	21	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC ANH	P2	16	1	5	20	73	D-HANH	Vietnamese
18	QUẦN ĐỨC THĂNG	P2	18-20	3	16		62	D-HANH	Vietnamese
19	LÊ QUỐC CƯỜNG	P2	26	1	12		65	D-HANH	Vietnamese
20	HÀN VĂN LONG	P2	22-23	2	8		75	D-HANH	Vietnamese
21	VŨ CHI KIẾN	P2					78	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐỨC HOÀNG	P2	15	1	5		69	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	16	134	868	35	6		
2	P2	9	11	63	632	20	10		
3	P4	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	27	197	1.500	55	22		
WEIGHT KG				197	1.500	55			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2017	TO: P5 - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Nam - XHOÀN - HIẾU	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P5	45-46	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HUYNH VŨ	P5	54	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TÔNG XUÂN SINH	P5	49	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ LUÂN	P5	47	1	3	55	58	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TOAN	P5	52	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NGOC	P5	44	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG THANH TRUNG	P5	53	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRỌNG NGHĨA	P5	51	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CAO MẠNH	P5	55	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUONG	P5					69	PSV	Vietnamese
11	LE XUAN TINH	P5	50	1	6		68	PSV	Vietnamese
12	ĐÀO MINH ĐỨC	P5	48	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN GIA CHUNG	P1	12	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	14	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ NAM CUONG	P1	08	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HỒNG HAI	P1	07	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG DINH KHUE	P1	15	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
18	LE DINH PHUC	P1	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN THANG	P1	10	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THAI BÌNH	P1	13	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NG. QUANG VINH	P1	09	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN THANH QUANG	P1	11	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	12	12	67	782	55	11		
2	P1	10	10	47	613	0	11		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>114</b>	<b>1.395</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>114</b>	<b>1.395</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.564 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2017	TO: P7 - P3 - TTC2	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - NNam	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN BAC	P7	24	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM ĐANG GIANG	P7					79	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN QUANG HUNG	P7	70,500	2	17		60	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH DANH	P7	32	1	6		55	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN DANH TRUNG	P7	21-22	2	15		65	CODIEN	Vietnamese
6	LE BA TU	P7	33	1	9		64	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN HAI QUAN	P7	34	1	5		64	CODIEN	Vietnamese
8	TRAN ANH QUANG	P7	75,94	2	16		80	CODIEN	Vietnamese
9	ĐAO TUAN CHU	P7	20	1	3		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN NHUAN	P7	25,31	2	17		50	PSV	Vietnamese
11	ĐO LY KHANH	P7	23	1	5		83	PSV	Vietnamese
12	CHAU DINH TU	P3	80	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HONG ĐAI	P3	87	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
14	TRINH HOANG NGUYEN	P3	88	1	7		65	D-HANH	Vietnamese
15	TRAN VAN LINH	P3	86	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
16	LAM THI HUONG	P3	85	1	9		60	D-HANH	Vietnamese
17	MAI XUAN THANH	P3	89	1	5		66	D-HANH	Vietnamese
18	ĐAO QUANG THIET	P3	79	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI VAN THANH	P3	81-82	2	6		54	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN QUOC DOANH	P3	83	1	4		77	GETRACO	Vietnamese
21	ĐANG QUOC KHANH	P3	84	1	5		60	GETRACO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	11	14	96	732	20	8		
2	P3	10	11	61	664	0	12		
3	TTC2	0	0	0	0	10	2		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>25</b>	<b>157</b>	<b>1.396</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>157</b>	<b>1.396</b>	<b>30</b>			

GRAND TOTAL: 1.553 KGS + 30 = 1583

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/07/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	PVD2+P3+P7	7:25	20+0+2	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
2	424	PVD2+TD3+TD1	7:25	13+9+0	0+0+0		4+11+7	0+0+0	
3	846	TD5+IS2	9:25	22+0	0+0		17+5	0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : 1/5 người XL đi P2 qua điểm PVD2  
2/1 người từ TD3 về bờ qua TD5



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2017	TO: PVD2 - P3 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN VIỆT	PVD2	03	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	TRUC DUC LOI	PVD2	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
3	LE KHAC KIEN	PVD2	18	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
4	DONALD GAY	PVD2	09-10	2	17		145	KHOAN	American
5	NGUYEN NGOC QUY	PVD2	13-14	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NHAT MINH	PVD2	06	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG PHONG	PVD2	16	1	15		88	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN SY ANH	PVD2	17	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
9	BUI HUU DONG	PVD2	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	VO XUAN CANH	PVD2	01	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	DANG THANH TU	PVD2	08	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	DAO QUANG QUYET	PVD2	02	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
13	NGO DINH SON	PVD2	07	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	VU HUNG MANH	PVD2	15	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
15	HUYNH THANH TAM	PVD2	23	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN DUY THAP	PVD2	11	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
17	DAO HAI NAM	PVD2	12	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THANH THANG	PVD2	19	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
19	LE DANG DAO	PVD2	20	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN HUU HOANG	PVD2	21-22	2	12		82	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN MINH THAI	P7	38	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN TUAN ANH	P7	36-37	2	15		78	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	20	23	163	1.474	0	15		
2	P3	0	0	0	0	0	5		
3	P7	2	3	25	158	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>188</b>	<b>1.632</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>188</b>	<b>1.632</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Jul-17	TO: PVD2 - TD3 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Cương - PVDũng - THẢO	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN KHOA BANG	PVD2	51	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
2	PHAM THANH SON	PVD2	55-56	2	17		85	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN THE DANG	PVD2	53	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
4	TU DUC TAN	PVD2	46	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	VU THANH QUANG	PVD2	47-48	2	12		67	KHOAN	Vietnamese
6	VU XUAN CANH	PVD2	52	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN XUAN VIET	PVD2	62	1	3		68	CODIEN	Vietnamese
8	BUI MINH TRI	PVD2	49-50	2	16		88	DVL	Vietnamese
9	PHAM VAN MAI	PVD2	58	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LOI	PVD2	57	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC ANH	PVD2	65	1	10	25	67	XAYLAP	Vietnamese
12	HA MANH CUONG	PVD2	59	1	15	11	60	XAYLAP	Vietnamese
13	LUONG VAN THUC	PVD2	54	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
14	AFANASHEV LIU	TD3	47	1	11		90	KHOAN	Russian
15	DO THANH HAI	TD3	53	1	10		82	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN HAI NAM	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MINH HIEN	TD3	54	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	BUI HUU VUNG	TD3	50	1	8		86	KHOAN	Vietnamese
19	LE VAN KHOA	TD3	49	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
20	NGO VAN KIEM	TD3	51	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN DOAN HUE	TD3	52	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
22	DO TIEN DUNG	TD3	48	1	8		50	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	13	16	140	932	36	4		
2	TD3	9	8	60	669	0	11		
3	TD1	0	0	0	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>200</b>	<b>1.601</b>	<b>36</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>200</b>	<b>1.601</b>	<b>36</b>			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Jul-17	TO: TD5 - JS2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vân - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV	TD5	97	1	5		85	KHOAN	Russian
2	PHẠM VĂN BÌNH	TD5					81	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC LAM	TD5	88	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
4	LE ANH MINH	TD5	500	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ANH TUAN	TD5	83	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
6	MAI XUAN HA	TD5	81	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRUONG TRUNG	TD5	85	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TAN VINH	TD5	92-93	2	10		85	KHOAN	Vietnamese
9	LE ANH NGUYEN	TD5	87	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN VAN LEN	TD5	89	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEN	TD5	84	1	2	10	65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MINH CHANH	TD5	86	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN LAM GIANG	TD5	82	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN THAI AN	TD5	90	1	5		68	DVL	Vietnamese
15	TRAN DUC TOAN	TD5	96	1	6		67	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VAN THIET	TD5	91	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN DE	TD5	55	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN KIM HUONG	TD5	98	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI DINH THU	TD5	93	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC GIAP	TD5	92	1	7		57	XAYLAP	Vietnamese
21	NGO VAN TUAN	TD5	99	1	8		80	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN PHUC HIEN	TD5	94-95	2	15		84	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	23	147	1.559	10	17		
2	JS2	0	0	0	0	3	5		
TOTAL		22	23	147	1.559	13	22		
WEIGHT KG				147	1.559	13			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN